TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU** Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST Ngày: 22 – 01 – 2024 V/v "Tranh chấp xin ly hôn"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Như.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Ngọc Sơn.

Ông Bùi Minh Thiệp.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tính – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 307/2023/TLST–HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về: "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 612/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Thanh V, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị Ngọc A, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 22/8/2023 nguyên đơn ông Trần Thanh V trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Lê Thị Ngọc A chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh C năm 2019. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải và đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Xét thấy,

cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Lê Thị Ngọc A.

Về nuôi con chung: Có 01 người con chung tên Trần Thị Thanh M (giới tính nữ), sinh ngày 24/3/2019. Hiện con đang sống với ông sau khi ly hôn ông yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu bà Ngọc A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hoàn cảnh gia đình nên yêu cầu giải quyết vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Bị đơn bà Lê Thị Ngọc A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của ông Trần Thanh V.

Tại phiên tòa:

- Ông Trần Thanh V và bà Lê Thị Ngọc A vắng mặt.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Về thủ tục tố tụng trong gian đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Thanh V đối với bà Lê Thị Ngọc A. Về nuôi con chung giao con chung tên Trần Thị Thanh M, sinh ngày 24/3/2019 cho ông Trần Thanh V tiếp tục nuôi dưỡng, bà Lê Thị Ngọc A không phải cấp dưỡng nuôi con. Về chia tài sản, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Trần Thanh V khởi kiện xin ly hôn với bà Lê Thị Ngọc A là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bà Lê Thị Ngọc A, cư trú tại ấp T, xã P, huyện P, tỉnh C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ông Trần Thanh V có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Lê Thị Ngọc A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông V và bà Ngọc A.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Ông Trần Thanh V và bà Lê Thị Ngọc A tự nguyện kết

hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 138/2019 ngày 04/10/2019 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh C nên hôn nhân giữa ông V và bà Ngọc A là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Ông V nhận thấy cuộc sống hôn nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cải và đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng nên ông yêu cầu được ly hôn. Đối với, bà Ngọc A đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng thông báo việc ông V xin ly hôn nhưng bà Ngọc A không có ý kiến gì đối với yêu cầu của ông V. Xét thấy, mâu thuẫn của ông V và bà Ngọc A đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông V, ông V được ly hôn với bà Ngọc A.

[2.2] Về nuôi con chung: Có 01 người con tên Trần Thị Thanh M (giới tính nữ), sinh ngày 24/3/2019. Sau khi ly hôn ông V yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu bà Ngọc A cấp dưỡng nuôi con và bà Ngọc A không có ý kiến về yêu cầu nuôi con của ông V. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi ly thân cho đến nay con chung do ông V nuôi dưỡng và con chung vẫn đang phát triển bình thường để không làm xáo trộn môi trường sống của con nên căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quyết định để ông V trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp. Bà Ngọc A không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bà Ngọc A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông V và bà Ngọc A không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông V phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Thanh V đối với bà Lê Thị Ngọc A. Ông Trần Thanh V được ly hôn với bà Lê Thị Ngọc A.

Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trần Thị Thanh M (giới tính nữ), sinh ngày 24/3/2019 cho ông Trần Thanh V tiếp tục nuôi dưỡng. Bà Lê Thị Ngọc A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lê Thị Ngọc A không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của ông Trần Thanh V.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Thanh V và bà Lê Thị Ngọc A không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông Trần Thanh V phải chịu 300.000 đồng. Ông Trần Thanh V đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0019164 ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh C được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- TAND tỉnh C;
- UBND xã Phú Tân, huyện P;
(Giấy CNKH số 138 ngày 04/10/2019)
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Như